

# TÁC ĐỘNG CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH THÁI BÌNH

THE IMPACT OF INDUSTRIAL PARKS AND ENTERPRISES ON THE SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF THAI BINH PROVINCE

Đào Thu Hà<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Kim Dung<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Sự phát triển các khu công nghiệp (KCN) ở các địa phương trong cả nước hơn 20 năm qua đã và đang có những tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua sự ra đời và phát triển các KCN ở Thái Bình là đòi hỏi tất yếu khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh này. Bài báo phân tích tác động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến sự phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Các KCN đã có những đóng góp ngày càng lớn vào việc nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong GDP của tỉnh Thái Bình. Nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa định tính và định lượng từ đó hệ thống hóa những vấn đề mang tính lý luận về KCN như khái niệm, đặc điểm, vai trò và những tác động của các KCN đến phát triển bền vững kinh tế xã hội trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Từ đó nghiên cứu trả lời được câu hỏi nghiên cứu là: Việc phát triển các KCN được dựa trên cơ sở khoa học nào? Bằng những số liệu đã được xử lý và rút ra kết, nhận xét, nhóm nghiên cứu đã trình bày được các vấn đề đặt ra từ các thực trạng đó. Từ đó nghiên cứu trả lời được hai câu hỏi nghiên cứu là: (1) Thực trạng phát triển các KCN ở tỉnh Thái Bình hiện nay như thế nào và (2) việc phát triển KCN ở tỉnh Thái Bình có những tác động tích cực, tiêu cực gì đến phát triển kinh tế - xã hội, nguyên nhân của các tác động tiêu cực?

**Từ khóa:** Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp, tỉnh Thái Bình.

## ABSTRACT

The development of Industrial Parks in localities across the country over the past 20 years has had a positive impact on socio-economic development. Industrial zones in Thai Binh are indispensable requirements of the socio-economic development of this province. The article analyzes the impact of industrial parks and industrial clusters on the development of businesses in Thai Binh province. Industrial zones have made increasing contributions to increasing the proportion of industrial production value in the GDP of Thai Binh province. theoretical issues about IZs such as Concepts, characteristics, roles and impacts of IZs on the socio-economic sustainable development in terms of economy, society and environment. Since then, the research answers the research question: What is the scientific basis for the development of industrial zones? By processing data and drawing results and comments, the research team has presented the problems posed from these situations. Since then, the study answers 2 research questions: (1) How is the current status of the development of industrial zones in Thai Binh province and (2) the development of industrial zones in Thai Binh province has a positive impact. What are the negative impacts on socio-economic development, what are the causes of the negative impacts?

**Keywords:** Industrial parks, industrial clusters, businesses, Thai Binh province.

<sup>1</sup>Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup>Phòng Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

\*Email: daothuha@hau.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/01/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 23/6/2021

Ngày chấp nhận đăng: 25/02/2022

## 1. GIỚI THIỆU

Sự phát triển các khu công nghiệp (KCN) ở các địa phương trong cả nước gần ba thập kỷ qua đã và đang có những tác động tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội như: góp phần tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước; phát triển cơ sở hạ tầng tạo nên diện mạo nông thôn mới, mang lại văn minh đô thị. Đặc biệt phát triển các khu công nghiệp có tác động tích cực cho việc phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Trình độ kỹ thuật và công nghệ của các doanh nghiệp trong các KCN tỉnh Thái Bình nhìn chung ở mức trung bình và tương đối tiên tiến, trong đó tập trung ở hệ thống hạ tầng kỹ thuật khá hoàn chỉnh và hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công tác quản lý môi trường trong các KCN được chú ý ngay từ khi lập dự án thành lập các KCN, điển hình là trạm xử nước thải KCN Phúc Khánh của Công ty Đài Tín, Trạm xử lý nước thải KCN Nguyễn Đức Cảnh của Trung tâm dịch vụ KCN Thái Bình, bãi chôn lấp rác thải rắn KCN Tiến Hải,... đã góp phần hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

KCN được hình thành đầu tiên ở các nước công nghiệp phát triển như Anh, Mỹ... hàng trăm năm trước. Sau đó, được áp dụng ở nhiều quốc gia khác và đem lại những thành tựu to lớn, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của nhiều quốc gia phát

triển như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore,... Ngày nay, phát triển KCN vẫn đang được nhiều quốc gia áp dụng nhằm đẩy nhanh CNH đất nước. Mặc dù, KCN được xây dựng với những hình thức, định hướng khác nhau, có tên gọi khác nhau song đều mang những đặc trưng chung.

Theo tổ chức lao động quốc tế (ILO) thì: "KCN là vùng không gian rõ ràng, tại đó đã được thiết lập một vùng đất tự do thuế quan, thương mại và các nhà sản xuất nước ngoài sản xuất chủ yếu hàng xuất khẩu thông qua các chính sách khuyến khích tài chính" [10].

Theo Ngân hàng Thế giới (WB) thì: "KCN là khu có hàng rào trong KCN chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, trong đó các DN được tạo điều kiện thương mại và hoạt động trong môi trường thông thoáng" [11].

Ở Việt Nam, khái niệm KCN được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về KCN, khu chế xuất và khu kinh tế thì "Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo điều kiện, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này".

Các khái niệm về KCN của thế giới và Việt Nam được dẫn ra ở trên đã phản ánh đầy đủ nội hàm kinh tế, kỹ thuật của KCN. Dựa vào các khái niệm trước đó, để phù hợp với định hướng phát triển KCN trong bối cảnh mới đó là: phải đảm bảo tính liên kết bên trong và bên ngoài, thể hiện ở sự phân chia các khu chức năng trong KCN; phải đảm bảo trên nguyên tắc phát triển bền vững dựa trên nền tảng của sự phát triển công nghệ, khoa học hướng đến kinh tế tri thức phù hợp với xu hướng phát triển trong bối cảnh hiện nay.

Vì vậy quan điểm của nhóm nghiên cứu cho rằng: "Khu công nghiệp là một khu đất được quy hoạch, có ranh giới xác định, được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thu hút các doanh nghiệp sản xuất, phục vụ sản xuất hàng công nghiệp theo các phân khu chức năng, đảm bảo tính liên kết bên trong và bên ngoài, giải quyết hài hòa giữa các mặt lợi ích kinh tế - xã hội - môi trường, do cơ quan có quyền hạn quyết định thành lập và giải thể khi cần thiết".

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu, xử lý và phân tích dữ liệu

Bảng 1. Phân loại các DN được khảo sát

Chia theo trong và ngoài KCN	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Chia theo DN trong nước và nước ngoài	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trong KCN	130	78,8	DN trong nước (DDI)	107	64,8
Ngoài KCN	35	21,2	DN nước ngoài (FDI)	58	35,2
Total	165	100,0	Total	165	100,0

Nguồn dữ liệu: Nghiên cứu sử dụng cả dữ liệu thứ cấp và sơ cấp: Đối với dữ liệu thứ cấp nghiên cứu sử dụng các thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình; Các thông tin về đánh giá những tác động của KCN đến phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình: Quá trình hình thành và phát triển các KCN; về quy hoạch phát triển các KCN; hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội; tình hình sử dụng đất và thu hút đầu tư của các KCN; các chính sách ưu đãi đầu tư

vào các KCN của tỉnh,... Đối với dữ liệu sơ cấp: nghiên cứu được thực hiện khảo sát 170 phiếu điều tra gửi đến các doanh nghiệp trong và ngoài KCN, kết quả thu về 165 phiếu hợp lệ của các DN được sử dụng để phân tích số liệu.

*Lựa chọn địa bàn điều tra:* Để đánh giá tác động của KCN, đề tài sử dụng phương pháp so sánh theo thời gian và không gian, cụ thể: So sánh trước và sau khi các DN vào KCN; So sánh các DN trong và ngoài KCN thuộc 6 KCN hiện đang hoạt động của tỉnh Thái Bình (bảng 2).

Bảng 2. Phân phối địa bàn chọn mẫu

Đối với DN	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Đức Cảnh	40	24,2
Phúc Khánh	45	27,3
Gia Lễ	14	8,5
Tiền Hải	42	25,5
Cầu Nginh	12	7,3
Sông Trà	12	7,3
<b>Tổng</b>	<b>165</b>	<b>100,0</b>

*Xác định đối tượng điều tra:* Để đánh giá tác động của các KCN đến phát triển KT-XH đề tài sẽ lựa chọn phương pháp có sự tham gia của người dân và các bên liên quan để thực hiện đánh giá một cách toàn diện, khách quan các tác động KT-XH của các KCN của tỉnh Thái Bình đến các đối tượng chịu tác động trực tiếp là các DN trong KCN và NLĐ đang trực tiếp làm việc trong các KCN. Triết lý có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể thụ hưởng và liên quan được thể hiện trong việc thiết kế phương pháp và lựa chọn đối tượng khảo sát. Theo đó, các phương pháp hướng tới thu thập thông tin từ cả phía các bên liên quan đến việc qui hoạch và quản lý các KCN của tỉnh Thái Bình, bao gồm: Các cơ quan hoạch định chính sách của tỉnh, các đơn vị quản lý KCN, đối tượng thụ hưởng. Bên cạnh đó, sự tham gia còn thể hiện ở suốt quá trình của nghiên cứu của đề tài, từ việc thu thập thông tin từ các bên liên quan tới việc công bố kết quả đánh giá và thu nhận các phản hồi từ các bên liên quan qua các hội thảo.

*Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu:* Các số liệu sau khi được thu thập sẽ được xử lý, làm sạch, nhập dữ liệu và mã hóa dữ liệu vào phần mềm SPSS 20.0. Nghiên cứu sử dụng sử dụng phương pháp thống kê mô tả (Descriptive statistics) để xác định mức bình quân cũng như mức độ lệch chuẩn các đối tượng khảo sát. Việc so sánh giữa nhóm các DN trong và ngoài KCN sẽ làm rõ thêm mức độ đánh giá, qua đó xem xét trọng tâm đang nằm trong nhóm nào nhằm tìm giải pháp thích hợp. Sau đó, đề tài sử dụng phương pháp Independent Sample T-Test để kiểm định sự khác biệt trung bình giữa nhóm các DN trong và ngoài KCN.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐẠT ĐƯỢC

### 3.1. Tác động tích cực của các KCN đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình

#### 3.1.1. Tác động tích cực về kinh tế

*Thứ nhất,* KCN tạo ra không gian kinh tế góp phần thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào địa phương.

Với 6 KCN hiện có, các KCN của tỉnh Thái Bình trở thành không gian kinh tế góp phần thu hút đầu tư trong, ngoài nước. Theo kết quả khảo sát của các DN trong và ngoài KCN (bảng 3) đều đánh giá các KCN tạo ra không gian kinh tế góp phần thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào địa phương (Mean = 4,28). Tiếp tục sử dụng dữ liệu từ khảo sát 165 DN, trong đó có 130 DN trong KCN và 35 DN ngoài KCN, để tài sử dụng kiểm định T Test (bảng 3) để kiểm định sự khác biệt về mức độ đánh giá giữa hai nhóm này, kết quả cho thấy không có sự khác biệt về các vấn đề này cụ thể như sau:

Bảng 3. Thống kê mô tả tác động tích cực về mặt kinh tế của các KCN

Tiêu chí đánh giá	N	Mean	Std. Deviation
KCN tạo ra không gian kinh tế góp phần thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào địa phương (TKT1)	165	4,28	0,463
KCN góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương (TKT2)	165	4,73	0,498
KCN tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế (TKT3)	165	3,78	0,519
KCN góp phần quan trọng trong việc tăng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu (TKT4)	165	4,11	0,506
KCN nâng cao năng lực hoạt động (thúc đẩy tốt hơn việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến của các nước phát triển) - TKT5	165	3,67	0,608

(Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0)

Bảng 4. Kết quả thống kê nhóm

Tiêu chí đánh giá	KCN	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
KCN tạo ra không gian kinh tế góp phần thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào địa phương (TKT1)	Trong	130	4,32	0,469	0,041
	Ngoài	35	4,11	0,404	0,068
KCN góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương (TKT2)	Trong	130	4,73	0,510	0,045
	Ngoài	35	4,71	0,458	0,077
KCN tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế (TKT3)	Trong	130	3,85	0,468	0,041
	Ngoài	35	3,51	0,612	0,103
KCN góp phần quan trọng trong việc tăng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu (TKT4)	Trong	130	4,15	0,505	0,044
	Ngoài	35	3,94	0,482	0,081
KCN nâng cao năng lực hoạt động (thúc đẩy tốt hơn việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến của các nước phát triển) - TKT5	Trong	130	3,89	0,595	0,052
	Ngoài	35	3,27	0,655	0,111

(Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0)

Mức độ đánh giá của nhóm DN trong KCN (130 quan sát) dường như cao hơn nhóm ngoài KCN (35 quan sát), mức độ đánh giá của nhóm trong KCN với điểm trung bình 4,32/5 thì nhóm ngoài KCN là 4,11/5.

Kiểm định Levene's Test có Sig. = 0,000 < 0,05 điều này có nghĩa là phương sai giữa hai nhóm DN trong KCN và DN ngoài KCN có sự khác biệt. Ta sẽ sử dụng kết quả kiểm định T ở phần Equal variances not assumed. Ta thấy Sig. = 0,000 < 0,05 chứng tỏ rằng có sự khác biệt về mức độ đánh giá giữa hai nhóm. Giá trị Mean Difference cho thấy mức điểm trung bình của nhóm DN trong KCN cao hơn nhóm kia là 0,11/5.

**Thứ hai,** KCN góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Giá trị sản xuất công nghiệp đóng góp từ các KCN đang ngày càng lớn và ổn định, dao động khoảng từ 36 đến 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Điều này cho thấy sự phát triển của công nghiệp nói chung cũng như tác động của các KCN nói riêng đối với kinh tế của tỉnh Thái Bình trong 5 năm gần đây đáp ứng được phần lớn những yêu cầu đặt ra (hình 1).



(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo kinh tế xã hội thường niên tỉnh Thái Bình)

Hình 1. Giá trị công nghiệp giai đoạn 2013 - 2017

Hầu hết các DN được khảo sát đều đánh giá cao về tiêu chí "KCN góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương" và "KCN tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế" với điểm bình quân lần lượt là 4,73/5 và 3,78/5. Kết quả phân tích phương sai cho thấy không sự khác biệt giữa các DN trong KCN và ngoài KCN về vấn đề này.

**Thứ ba,** KCN góp phần nâng cao năng lực hoạt động.

Kết quả khảo sát cho thấy với môi trường chất lượng cao với cơ sở hạ tầng tốt, nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với vốn lớn, công nghệ quản lý cao, nhiều doanh nghiệp đã được học tập các phương pháp quản lý tiên tiến (Mean = 3,67). Điều này đặc biệt có ý nghĩa với các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia vào các KCN. Có thể kể đến các chính sách với người lao động, tinh thần làm việc, văn hoá doanh nghiệp,... là những công cụ quản lý dù mang tính xã hội cao nhưng lại có hiệu quả lớn trong gắn kết và thúc đẩy người lao động tích cực hoạt động.

Kiểm định Levene's Test có Sig. = 0,004 < 0,05 điều này có nghĩa là phương sai giữa hai nhóm DN trong KCN và nhóm DN ngoài KCN có sự khác biệt. Thực tế, cùng năm

trong xu thế mở rộng về quy mô, trong tiến trình hoạt động và sản xuất của mình, các doanh nghiệp nói chung luôn phải tích cực đầu tư đổi mới về công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như giảm thời gian sản xuất sản phẩm. Nhất là trong nền kinh tế thị trường, nếu không muốn tụt hậu, mất thị phần, thì việc đầu tư, đổi mới công nghệ sản xuất được xem như chìa khóa then chốt để giải quyết. Đặc biệt, khi tham gia vào KCN, làn sóng ấy trở nên mạnh mẽ hơn khi DN nhìn thấy được trực tiếp sự cạnh tranh của các DN đối thủ, được sớm tiếp cận với các công nghệ kỹ thuật mới, các doanh nghiệp sẽ càng sớm có động lực để tiến hành đầu tư, đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất sao cho ngày càng nâng cao năng lực sản xuất của DN.

**3.1.2. Tác động tích cực về xã hội**

Bảng 5. Thống kê mô tả mức độ đánh giá tác động tích cực về mặt xã hội

Tiêu chí đánh giá	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
KCN có vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động (TXH6)	165	4,11	0,482
KCN giúp đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động và tăng tính kỷ luật (TXH7)	165	3,22	0,645
KCN có vai trò quan trọng trong việc tăng thu nhập và cải thiện mức sống cho người lao động (TXH8)	165	3,27	0,609
KCN thúc đẩy phát triển hệ thống trường học, bệnh viện, các loại hình dịch vụ khác của địa phương (TXH9)	165	3,28	0,679
KCN tạo ra những điều kiện cải thiện vấn đề nhà ở xã hội và đảm bảo tốt an ninh của địa phương (TXH10)	165	2,19	0,640

(Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0)

Bảng 6. So sánh giá trị trung bình giữa nhóm DN trong và ngoài KCN

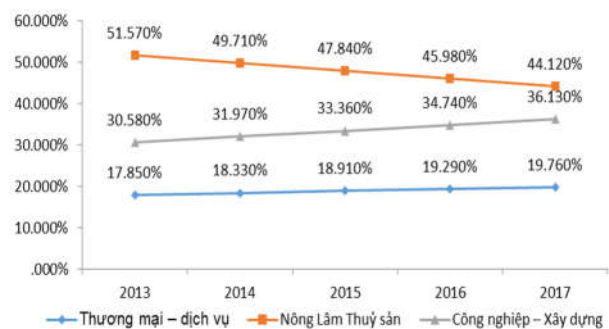
Tiêu chí đánh giá	KCN	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn
TXH6	Trong	130	4,08	0,499	0,044
	Ngoài	35	4,20	0,406	0,069
TXH7	Trong	130	3,20	0,628	0,055
	Ngoài	35	3,29	0,710	0,120
TXH8	Trong	130	3,16	0,463	0,041
	Ngoài	35	3,69	0,867	0,147
TXH9	Trong	130	3,24	0,668	0,059
	Ngoài	35	3,46	0,701	0,118
TXH10	Trong	130	2,16	0,595	0,052
	Ngoài	35	2,29	0,789	0,133

(Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0)

**Thứ nhất,** KCN góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động trong quá trình CNH, HĐH tỉnh Thái Bình. Kết quả bảng 3 cho thấy các doanh nghiệp trong việc

đánh giá tác động tích cực đến xã hội, mục "Tạo công ăn việc làm cho NLD và chuyển dịch cơ cấu lao động" là mục được các doanh nghiệp đánh giá cao nhất trong những tác động của KCN đối với doanh nghiệp, với Mean ở mức 4,11/5 điểm. Điều đó càng khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của các KCN trong việc tạo việc làm cho NLD. Tiếp tục sử dụng dữ liệu từ khảo sát 165 DN, trong đó có 130 DN trong KCN và 35 DN ngoài KCN, để tài sử dụng kiểm định T Test (bảng 5) để kiểm định sự khác biệt về mức độ đánh giá giữa hai nhóm này, kết quả cho thấy không có sự khác biệt về các vấn đề này.

Trong những năm qua việc phát triển các KCN đã góp phần đáng kể trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tất yếu sẽ kéo theo sự phát triển, đào tạo nhân lực cho phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế (hình 2).



(Nguồn: Sở Công Thương tỉnh Thái Bình)

Hình 2. Tỷ lệ cơ cấu lao động các ngành kinh tế tỉnh Thái Bình giai đoạn 2013 - 2017 (%)

Hình 2 cho thấy tỷ lệ lao động trong khu vực nông lâm thủy sản giảm dần còn tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng nhanh tương ứng trong giai đoạn từ 2013 - 2017.

**Thứ hai,** KCN có vai trò quan trọng trong việc tăng thu nhập và cải thiện mức sống cho người lao động. Sự xuất hiện của các KCN cũng thúc đẩy động lực tăng trưởng kinh tế cũng như tăng trưởng mức sống cho người dân, góp phần rất lớn trong việc thực hiện thành công, một trong những chỉ tiêu quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới đối với các xã, các huyện có các KCN đóng trên địa bàn, với mức đánh giá là 3,27/5 điểm.

**Thứ ba,** KCN giúp đào tạo, nâng cao tay nghề cho NLD, tăng tính kỷ luật và được tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp. Không thể phủ nhận việc được tham gia lao động trong một môi trường được đầu tư và quy hoạch bài bản, được tiếp xúc với những công nghệ, quy trình sản xuất hiện đại và chuyên nghiệp cũng như việc phải luôn phải trau dồi nhằm đáp ứng những yêu cầu của chủ doanh nghiệp đã tạo cho NLD có một tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn hẳn. Kết quả khảo sát cho thấy các DN đều đồng ý với vấn đề này (Mean = 3,22/5) và phân tích phương sai cho thấy không có sự khác biệt giữa các DN trong KCN với các DN ngoài KCN với mức ý nghĩa quan sát lớn hơn 0,05 (độ tin cậy 95%) (bảng 3 và 4).

### 3.1.3. Tác động tích cực về môi trường

KCN tạo ra những điều kiện thuận lợi để xử lý ô nhiễm môi trường của địa phương. Nhờ sự phát triển của các KCN trong 15 năm qua đã tạo ra để xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình đó là: (i) Các KCN hình thành và phát triển, hệ thống chính sách, chế tài, quy định xung quanh mô hình này ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển trên cơ sở tôn trọng và giải quyết hài hòa lợi ích giữa địa phương - doanh nghiệp - người dân, trong đó có các chính sách, văn bản quy định về việc bảo vệ môi trường trong và ngoài KCN; (ii) Tỉnh Thái Bình đặc biệt chú trọng đến việc triển khai, đầu tư các dự án xử lý chất thải trên cơ sở quy hoạch các KCN, các dự án này góp phần xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt, môi trường đất và chất thải rắn từ các KCN và khu dân cư lân cận.

+ **Đối với môi trường nước:** Hiện nay có 3/6 KCN đã hoàn thành xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn loại A đưa vào hoạt động (KCN Phúc Khánh, KCN Nguyễn Đức Cảnh, KCN Gia Lễ), đảm bảo các tiêu chuẩn thiết kế, các trạm này đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải theo quy định, thực hiện thu gom và xử lý triệt để lượng nước thải theo quy định, thực hiện thu gom và xử lý triệt để lượng nước thải tập trung KCN, xây dựng hoàn trả kênh tiêu nước. Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Nguyễn Đức Cảnh đã được đầu tư xây dựng hoàn thành và đi vào vận hành chính thức từ tháng 5/2012, có công suất thiết kế 4.560 m<sup>3</sup>/ngày đêm, chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C, đã được UBND tỉnh cấp phép xả thải vào công trình thủy lợi. Từ khi đi vào hoạt động, Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Nguyễn Đức Cảnh hoạt động ổn định, đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại KCN và một phần KCN Phúc Khánh đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải vào sông Bạch. Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH phát triển KCN Đài Tín có công suất thiết kế 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C, đã được UBND tỉnh cấp phép xả thải vào công trình thủy lợi. Nhà máy có nhiệm vụ thu gom toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp trong KCN (trừ Công ty NienHsing có trạm xử lý nước thải công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và Công ty Shengfang có trạm xử lý nước thải công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Gia Lễ đã triển khai xây dựng và đi vào hoạt động từ tháng 01/2013 với công suất thiết kế 500 m<sup>3</sup>/ ngày đêm, chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C (Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình).

+ **Đối với xử lý chất thải khí:** Các loại hình sản xuất kinh doanh chủ yếu trong các KCN tỉnh Thái Bình gồm: gốm sứ, gạch men, thủy tinh, may mặc, dệt sợi, đồ gỗ; các loại hình sản xuất ngũ kim: đúc, gia công kim loại, đúc ép nhựa, điện, điện tử... các làng nghề chủ yếu là: mây tre đan, thêu ren, dệt, nông sản thực phẩm, dệt dũi, ương tơ, làm muối... Khí thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất chủ yếu từ hai nguồn: (i) Khí thải phát sinh từ nguồn điểm chủ yếu

từ các lĩnh vực sản xuất có sử dụng lò hơi, lò nung, sấy như dệt may, gốm sứ, gạch men, xi măng, thủy tinh, lò đốt rác công nghiệp... Hầu hết các nguồn khí thải này đều được thu gom xử lý bằng thiết bị đồng bộ như xyclon, thiết bị lọc bụi tay áo, thiết bị hấp thụ than hoạt tính, nước vôi... hoặc lắp đặt thêm các thiết bị chụp hút, xử lý sau đó thải ra ngoài qua ống khói; (ii) Khí thải phát sinh từ nguồn mặt chủ yếu từ các loại hình sản xuất như đúc, gia công kim loại, đúc ép nhựa, sản xuất giày dép, đồ gỗ, dệt sợi, xi măng... khí thải phát sinh từ nguồn này phát tán trong môi trường nhà xưởng, khó thu gom và xử lý triệt để.

+ **Đối với xử lý chất thải rắn:** Hầu hết các DN hoạt động trong KCN có tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường từ 90 - 95%, tương đương 79.058 - 83.450 tấn/năm; Tỷ lệ này đạt được do CTR của KCN thường được tập trung, xác định chủ nguồn thải rõ ràng. Đặc biệt, CTR công nghiệp được thu gom với tỷ lệ cao còn do gắn với lợi ích của các DN tái chế. Trong các loại CTR được thu gom, đối với chất thải rắn sinh hoạt các DN trong các KCN trên địa bàn thành phố Thái Bình (Nguyễn Đức Cảnh, Phúc Khánh, Gia Lễ, Sông Trà) ký hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý với Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Thái Bình; đối với các DN trong KCN trên địa bàn huyện (Tiền Hải, Cầu Ngàn) các doanh nghiệp ký hợp đồng thu gom xử lý tại các bãi xử lý chất thải tập trung của các xã, thị trấn.

Khi khảo sát về vấn đề này đối với các DN trong và ngoài KCN, có thể họ thực sự chưa hài lòng với những đánh giá tác động tích cực của các KCN đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình (bảng 7, 8, 9).

Bảng 7. Thống kê mô tả mức độ đánh giá tác động về môi trường

Tiêu chí đánh giá	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
KCN tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý chất thải, bảo vệ môi trường (TMT14)	165	2,99	0,610
KCN có nhà máy xử lý nước thải tập trung giúp giảm thải ra môi trường của địa phương (TMT15)	165	2,97	0,499
KCN có nhà máy xử lý chất thải rắn (kim loại, hóa chất,...) đảm bảo an toàn môi trường cho địa phương (TMT16)	165	2,69	0,704

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0

Bảng 8. So sánh trung bình giữa các DN trong và ngoài KCN

Tiêu chí đánh giá	KCN	Số lượng	Điểm TB	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn
TMT14	Trong	130	2,99	0,629	0,055
	Ngoài	35	3,00	0,542	0,092
TMT15	Trong	130	2,99	0,506	0,044
	Ngoài	35	2,89	0,471	0,080
TMT16	Trong	130	2,68	0,707	0,062
	Ngoài	35	2,74	0,701	0,118

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0

Bảng 9. Kiểm định sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm DN trong và ngoài KCN

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
TMT14	Equal variances assumed	1,476	0,226	-0,066	163	0,947	-0,008	0,116	-0,238	0,222
	Equal variances not assumed			-0,072	60,953	0,943	-0,008	0,107	-0,222	0,206
TMT15	Equal variances assumed	0,307	0,580	1,122	163	0,263	0,107	0,095	-0,081	0,294
	Equal variances not assumed			1,170	56,935	0,247	0,107	0,091	-0,076	0,289
TMT16	Equal variances assumed	0,073	0,787	-0,491	163	0,624	-0,066	0,134	-0,331	0,199
	Equal variances not assumed			-0,493	54,114	0,624	-0,066	0,134	-0,334	0,202

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0

Việc tham gia vào KCN đã tác động rất lớn đến sự thay đổi trong nhận thức về bảo vệ môi trường của các DN. Việc xây dựng và quy hoạch các KCN nhằm mục đích chính là gom những cơ sở sản xuất phân tán, nằm rải rác trong khu dân cư, trong các làng nghề, gây ảnh hưởng ô nhiễm nghiêm trọng và trực tiếp đến đời sống của người dân sinh sống xung quanh lại một nơi có hệ thống quy hoạch giao thông, xử lý chất thải phù hợp với yêu cầu sản xuất công nghiệp, giảm phát tán các nguồn gây ô nhiễm chưa được xử lý ra ngoài môi trường đã và đang bộc lộ những yếu kém trong khâu quản lý môi trường, phải đối mặt với sự phản kháng mạnh mẽ từ người dân sinh sống trong và xung quanh các làng nghề này cũng như dư luận xã hội về những tác động của hoạt động sản xuất công nghiệp truyền thống kiểu cũ thô sơ gây ra với môi trường và sức khỏe của người dân.

**3.2. Tác động tiêu cực của các KCN đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình**

**3.2.1. Tác động tiêu cực về kinh tế**

Kết quả khảo sát và so sánh điểm trung giữa các DN trong và ngoài KCN tại các bảng 7,8 cho thấy các KCN bên cạnh những tác động tích mang lại cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Thái Bình thì cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực sau:

Bảng 10. Thống kê mô tả tác động tiêu cực về kinh tế

Tiêu chí đánh giá	Số lượng	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
Do chính sách thu hút các DN tham gia để "lấp đầy" KCN dẫn đến tình trạng lãng phí các nguồn lực (XKT11)	165	3,08	0,681

Tăng chi phí sản xuất kinh doanh và tăng chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho NLĐ do trình độ chuyên môn kỹ thuật còn thấp (XKT12)	165	3,81	0,604
Khả năng thu hút đầu tư của một số KCN còn thấp, dẫn đến không phát huy được hiệu quả vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN (XKT13)	165	4,25	0,619
Các KCN tạo ra những tác động ngược chiều đến hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị của ĐP (XKT14)	165	2,92	0,819
Gia tăng liên kết chuỗi được tạo ra từ hoạt động của các chưa rõ rệt (XKT15)	165	3,88	0,642
Vấn đề chuyển giá, chuyển giao công nghệ cũ... tác động xấu đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN và ảnh hưởng đến nguồn thu của địa phương (XKT16)	165	3,44	0,693

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0

Bảng 11. So sánh giá trị trung bình giữa các DN trong và ngoài KCN

Tiêu chí đánh giá	KCN	Số lượng	Điểm TB	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn
XKT11	Trong	130	3,13	0,675	0,059
	Ngoài	35	2,89	0,676	0,114
XKT12	Trong	130	3,82	0,632	0,055
	Ngoài	35	3,77	0,490	0,083
XKT13	Trong	130	4,25	0,626	0,055
	Ngoài	35	4,23	0,598	0,101
XKT14	Trong	130	2,96	0,820	0,072
	Ngoài	35	2,77	0,808	0,136
XKT15	Trong	130	3,85	0,683	0,060
	Ngoài	35	3,97	0,453	0,077
XKT16	Trong	130	3,46	0,661	0,058
	Ngoài	35	3,37	0,808	0,136

Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0

**Thứ nhất**, tình trạng lãng phí các nguồn lực do chính sách thu hút các doanh nghiệp tham gia để “lấp đầy” KCN. Các KCN Thái Bình được thành lập trong cùng một thời kỳ có cơ cấu ngành khá giống nhau nên đã hạn chế khả năng thu hút đầu tư. Đa phần các KCN được bố trí quá gần khu đô thị, khu dân cư bị hạn chế các ngành nghề có thể đầu tư do đó cơ cấu đầu tư không phù hợp chủ yếu các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động phổ thông chưa qua đào tạo, với lượng vốn ít chủ yếu là gia công lắp ráp nhiều KCN có tỷ lệ lấp đầy thấp.

**Thứ hai**, chất lượng thu hút đầu tư chưa cao, thiếu ổn định. Về cơ bản, sự phát triển các KCN phải giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích của địa phương và nhà đầu tư với điểm trung bình là 4,25/5 và phân tích phương sai cho thấy không có sự khác biệt giữa các DN trong KCN với các DN ngoài KCN với mức ý nghĩa quan sát Sig. > 0,05 Các KCN của tỉnh Thái Bình chủ yếu là các KCN đa ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, gia công, lắp ráp, giấy da... Những dự án đầu tư vào các ngành đòi hỏi công nghệ cao hay các ngành công nghiệp phụ trợ đã được chú trọng quan tâm nhưng kết quả thu hút còn thấp làm cho mối liên kết ngành nghề chưa phát huy được tác dụng (bảng 12).

Bảng 12. Ngành nghề đầu tư vào các KCN của tỉnh Thái Bình đến năm 2017

STT	Tên ngành nghề	Số dự án	Tỷ lệ (%)
1	Dệt may	48	27,33
2	Cơ khí	28	16,28
3	Điện, điện tử	16	9,3
4	Sứ, thủy tinh, vật liệu xây dựng	32	18,6
5	Các ngành khác	49	28,49
<b>Tổng</b>		<b>171</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Ban quản lý các KKT và KCN Thái Bình)

**Thứ ba**, tăng chi phí sản xuất kinh doanh và tăng chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho NLĐ do trình độ chuyên môn kỹ thuật còn thấp. Kết quả khảo sát cho thấy các DN đều đồng ý rằng để được tham gia vào một môi trường chuyên nghiệp, có quy hoạch hạ tầng đồng bộ, có các hệ thống điện nước, xử lý nước thải phục vụ chuẩn riêng cho việc sản xuất công nghiệp, các doanh nghiệp đều phải chịu thêm những khoản chi phí so với khi tiến hành sản xuất ngoài phạm vi KCN (mean = 3,81/5 và phân tích phương sai cho thấy không có sự khác biệt giữa các DN trong KCN với các DN ngoài KCN với mức ý nghĩa quan sát lớn hơn 0,05 (độ tin cậy 95%)).

**3.2.2. Tác động tiêu cực về xã hội**

Việc xây dựng ồ ạt các KCN làm người dân có đất bị thu hồi không có đất đai để canh tác. Do đó, làm gia tăng tình trạng thất nghiệp, ảnh hưởng xấu đến thu nhập và đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Theo kết quả khảo sát (mean = 2,15/5) cho thấy các DN cũng không đồng ý với vấn đề này (bảng 13). Theo các DN thì KCN tỉnh Thái Bình đã giải quyết được gần 65.000 việc làm chủ yếu là người trong tỉnh nhưng phần lớn là lao động từ nông thôn lên

thành phố (75%), đặc biệt là ở 2 KCN Phúc Khánh và Nguyễn Đức Cảnh (báo cáo tổng kết lao động việc làm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình năm 2017). Điều này, chứa đựng những rủi ro và khó khăn nhất định cho doanh nghiệp và địa phương. Thứ nhất, doanh nghiệp phải bằng nhiều cách để “giữ chân” được lực lượng lao động nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Thứ hai, địa phương phải quản lý một lực lượng lớn lao động nông thôn sau giờ làm việc, sức ép về không gian, môi trường, các dịch vụ ngày càng lớn.

Bảng 13. Thống kê mô tả mức độ đánh giá tác tiêu cực về xã hội

Tiêu chí đánh giá	Số lượng	Điểm TB	Độ lệch chuẩn
Việc xây dựng ồ ạt các KCN làm người dân có đất bị thu hồi không có đất đai để canh tác. Do đó, làm gia tăng tình trạng thất nghiệp, ảnh hưởng xấu đến thu nhập và đời sống của người dân có đất bị thu hồi (XXH17)	165	2,15	0,555
Sự phát triển các KCN đã gây nên những sức ép đối với các lĩnh vực dịch vụ công: Nhà ở cho công nhân, công viên, trường học, bệnh viện, ... (XXH18)	165	3,04	0,493
KCN là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình trạng mất ổn định xã hội (gia tăng tệ nạn xã hội, đình công, biểu tình, ...) (XXH19)	165	3,84	0,662
Văn hóa tại địa phương có KCN sẽ bị pha tạp do lượng du nhập lớn của người lao động từ các tỉnh, thành phố đến làm việc trong các DN (XXH20)	165	3,68	0,681

(Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0)

Theo kết quả phân tích phương sai, vấn đề này có sự khác biệt giữa các DN trong KCN và các DN ngoài KCN với mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0,000 < 0,05 (bảng 13). Một số các DN ngoài KCN cho rằng khi xây dựng các KCN làm người dân có đất bị thu hồi không có đất đai để canh tác, ảnh hưởng xấu đến thu nhập và đời sống của người dân. Chính vì vậy, có thể gián tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DN, nên họ vẫn còn cân nhắc chưa tham gia vào các KCN.

Bảng 14. So sánh giá trị trung bình giữa các DN trong và ngoài KCN

Tiêu chí đánh giá	KCN	Số lượng	Điểm TB	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn
XXH17	Trong	130	2,10	0,480	0,042
	Ngoài	35	2,31	0,758	0,128
XXH18	Trong	130	3,05	0,496	0,043
	Ngoài	35	3,00	0,485	0,082
XXH19	Trong	130	3,82	0,656	0,058
	Ngoài	35	3,94	0,684	0,116
XXH20	Trong	130	3,71	0,687	0,060
	Ngoài	35	3,57	0,655	0,111

(Nguồn: Kết quả xử lý từ số liệu điều tra với sự trợ giúp của phần mềm SPSS20.0)

**4. KẾT LUẬN**

Phát triển các KCN là tất yếu khách quan nhằm đẩy mạnh sự nghiệp CNH-HĐH và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội địa phương. Thông qua phương pháp phân tích dữ

liệu thống kê mô tả, phân tích kiểm định T-Test giữa các DN trong và ngoài KCN, từ đó chỉ rõ những tác động tích cực và tiêu cực của phát triển các KCN đến kinh tế, xã hội, môi trường nghiên cứu đã đạt được các kết quả sau:

*Thứ nhất*, bằng cách tiếp cận hệ thống và logic, bài viết đã tổng hợp và phân tích cơ sở lý luận về tác động của các KCN đến phát triển kinh tế xã hội địa phương là ảnh hưởng của sự phát triển KCN đến địa phương, gây ra những thay đổi của địa phương về kinh tế, xã hội, môi trường. Qua đó, không chỉ thấy được những yếu tố của địa phương bị tác động mà còn chỉ ra chiều hướng tác động, mức độ tác động, lượng hóa được tác động và cơ chế gây tác động.

*Thứ hai*, qua nghiên cứu thực trạng tỉnh Thái Bình và kết quả thống kê mô tả từ phân tích các dữ liệu sơ cấp được thu thập qua phiếu điều tra của các DN trong và ngoài KCN. Bài viết đã chỉ ra việc phát triển các KCN ở tỉnh Thái Bình có những tác động tích cực và tiêu cực đến kinh tế, xã hội và môi trường. Đây chính cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường phát huy các tác động tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực của các KCN đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình. Phát triển các KCN gắn với thực hiện các mục tiêu KT-XH của tỉnh Thái Bình là một vấn đề lớn, đặt ra cho nhiều lĩnh vực khoa học cùng nghiên cứu dưới những góc độ và có đối tượng khác nhau. Vì vậy, trong tương lai các hướng nghiên cứu cần được tiếp tục triển khai có thể là: Hệ thống các chính sách về phát triển các KCN trước những yêu cầu mới về phát triển bền vững và dưới tác động đa chiều của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Hướng nghiên cứu về đời sống vật chất và tinh thần của công nhân lao động trong các KCN: vấn đề nhà ở, vấn đề di dân cơ học, vấn đề văn hóa, tác phong công nghiệp...; Hướng nghiên cứu về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển KCN: Nhà nước, doanh nghiệp, người dân...; Hướng nghiên cứu về các tổ chức chính trị xã hội trong các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;...

#### LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này đã được nghiệm thu bởi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Bình trong đề tài mã số TB-CT/XH10/18.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyen Van Huong, 2009. *Impact of the development of industrial zones and enterprises on socio-economic development in Hung Yen province*. Journal of Science and Development VII, pp. 73-78.
- [2]. N. T. Thuy, 2009. *Phat trien ben vung cac KCN o Viet Nam: Mot so van de dat ra cho cong tac quan ly nha nuoc*. Military Library, p. V(5) T22479.
- [3]. V. T. Lap, 2016. *Cac KCN tinh Dong Nai: Hon 20 nam xay dung va phat trien*. [Online]. Available: <http://khucongnghep.com.vn>.
- [4]. People's Committee of Thai Binh province. *Bao cao hang nam cua UBND tinh Thai Binh ve tinh hình kinh te - xa hoi 2013-2017*.
- [5]. T. Kien, 2018. *Phat trien ben vung khu cong nghiep - Gop phan phat trien nen kinh te Viet Nam*.

[6]. People's Committee of Thai Binh province. *Bao cao hang nam cua Ban quan ly cac khu kinh te va khu cong nghiep tinh Thai Binh 2013-2017*.

[7]. A. D. Alesina, 1991. *Why Are Stabilizations Delayed?*. American Economic Review, pp. 81(5), 1170-1188.

[8]. Ron Martin, Peter Sunley, 1996. *Paul Krugman's Geographical Economics and Its implications for regional development theory: A critical assessment*. Economic Geography Volume 72, Issue 3, p. 259-292.

[9]. L. D. L. G. D., J. T. Deutz P., 2007. *Industrial Ecology and Regional Development, Progress in Industrial Ecology*. International Journal, 4(3/4), 155-163.

[10]. Institute of Economics, 1994. *Ve phat trien KCX va dac khu kinh te (kinh nghiem the gioi)*. National Political Publishing House, Hanoi.

[11]. Institute of World Economics, 1998. *Cac KCX trên thế giới*. The Gioi Publishers, Hanoi.

#### AUTHORS INFORMATION

**Dao Thu Ha<sup>1</sup>, Nguyen Thi Kim Dung<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Faculty of Accounting - Auditing, Hanoi University of Industry

<sup>2</sup>Department of Finance and Accounting, Hanoi University of Industry